

Số: 359/QĐ-VKSTC

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt “Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin  
của ngành Kiểm sát nhân dân đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”**

### **VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO**

*Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;*

*Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;*

*Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;*

*Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-VKSTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành Kiểm sát nhân dân;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt “Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin của ngành Kiểm sát nhân dân đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) với những nội dung sau:

#### **I. QUAN ĐIỂM**

1. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành Kiểm sát nhân dân nhằm góp phần nâng cao năng lực quản lý, chỉ đạo điều hành và công tác chuyên môn nghiệp vụ theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch; góp phần tăng năng suất chất lượng lao động của mỗi cá nhân, đơn vị; đáp ứng yêu cầu quản lý điều hành của các cấp Kiểm sát và trong toàn Ngành.

2. Quy hoạch phải phù hợp với đường lối của Đảng, quy định của Nhà nước, nhất là Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, phù hợp với đặc thù của ngành Kiểm sát nhân dân.

3. Quy hoạch phải bảo đảm kế thừa những kết quả đã đạt được trong ứng dụng công nghệ thông tin từ trước đến nay phù hợp đặc thù của Ngành và phát triển của xã hội và hệ thống chính trị; có những bước đi tất, đón đầu để bắt kịp xu hướng ứng dụng công nghệ mới, đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành Kiểm sát trong tình hình mới.

4. Quy hoạch là căn cứ để xác định kế hoạch đầu tư hằng năm, lộ trình đầu tư các dự án công nghệ thông tin theo thứ tự ưu tiên, bảo đảm tính khả thi, không trùng lặp, có sự liên thông, kết nối giữa các dự án đầu tư, tránh lãng phí, nâng cao hiệu quả đầu tư.

5. Việc thực hiện Quy hoạch là trách nhiệm của toàn Ngành, đặc biệt là người đứng đầu các đơn vị và Viện trưởng Viện kiểm sát các cấp; đòi hỏi sự thay đổi mạnh mẽ từ nhận thức đến hành động; xác định việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số là khâu đột phá, nhiệm vụ trọng tâm của Ngành để tập trung chỉ đạo thực hiện.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Khẩn trương chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin của Ngành thành hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt hướng tới điện toán đám mây; phát triển ứng dụng, dịch vụ mới theo hướng sử dụng chung hạ tầng số, nền tảng số và các dịch vụ công nghệ thông tin sẵn có. Có khả năng sử dụng dữ liệu số và các công cụ phân tích thông minh để phục vụ có hiệu quả hoạt động lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo điều hành và các hoạt động nghiệp vụ kiểm sát, đáp ứng các yêu cầu kết nối, chia sẻ tài nguyên thông tin, dữ liệu trong và ngoài Ngành. Đến năm 2030, cơ bản chuyển các hoạt động của ngành Kiểm sát nhân dân lên môi trường số; thay đổi cách thức vận hành, môi trường làm việc và công cụ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức trong Ngành theo hướng chuyển đổi số.

### **2. Các mục tiêu cụ thể đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

#### **2.1. Ứng dụng trong quản lý, chỉ đạo điều hành**

a) 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong Ngành được gắn định danh số trong xử lý công việc, sử dụng thành thạo các ứng dụng, trang thiết bị công nghệ thông tin trong công tác chuyên môn; được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản về ứng dụng công nghệ thông tin;

b) Có khả năng đáp ứng về nền tảng quản trị thống nhất cho 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của Viện kiểm sát; 100% nhiệm vụ giao xuống các đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, cấp tỉnh, cấp huyện được cập nhật trên hệ thống quản lý công việc; Viện kiểm sát cấp trên có thể theo dõi, kiểm tra được tiến độ công

việc của Viện kiểm sát cấp dưới và Thủ trưởng đơn vị có thể quản lý công việc của từng công chức, viên chức thông qua môi trường số và hệ thống thông tin;

c) 100% văn bản trao đổi, xử lý công việc hành chính trong ngành Kiểm sát nhân dân được thực hiện trên môi trường mạng, có chữ ký số chuyên dùng (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật và của Ngành);

d) Khi có yêu cầu, 100% các cuộc họp có thể tổ chức bằng hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và truyền thống; 100% các điểm cầu cho phép họp trên các thiết bị di động như máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh. Các chương trình tập huấn, thi tuyển, thi nâng ngạch quản lý nhà nước có thể thực hiện trực tuyến và đảm bảo chất lượng khi có yêu cầu; tăng cường khả năng làm việc từ xa của công chức, viên chức;

đ) 100% hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức được xác nhận, lưu trữ trên cơ sở dữ liệu nhân sự bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin và quản lý theo phân cấp, kịp thời cập nhật thông tin, dữ liệu khi có thay đổi, bảo đảm liên thông với hồ sơ quản lý đảng viên, quản lý công tác thanh tra, quản lý công tác thi đua khen thưởng...;

e) 100 % đơn vị dự toán trong Ngành sử dụng đầy đủ ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài chính- kế toán, quản lý đầu tư, quản lý tài sản công;

g) 100% cơ sở dữ liệu của các đơn vị phục vụ, hành chính - sự nghiệp trong ngành được hình thành và kết nối, chia sẻ trong nội bộ, có thể liên thông với đơn vị ngoài Ngành khi có yêu cầu.

## **2.2. Ứng dụng trong hoạt động nghiệp vụ**

a) 100% hồ sơ vụ án, vụ việc trong ngành Kiểm sát đã đưa vào lưu trữ được số hóa, trên cơ sở đó hình thành kho dữ liệu số về các hoạt động nghiệp vụ kiểm sát;

b) Đến năm 2025, khoảng 60% hồ sơ nghiệp vụ công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát các cấp được số hóa, bảo đảm phục vụ hiệu quả cho công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp và lưu trữ hồ sơ khi kết thúc các hoạt động nghiệp vụ. Đến năm 2030, tỷ lệ số hóa hồ sơ nghiệp vụ là 100%;

c) 100% các loại sổ sách theo dõi các khâu công tác về nghiệp vụ (sổ thụ lý tố giác, tin báo về tội phạm; sổ thụ lý điện tử hình sự, sổ thụ lý kiểm sát án dân sự,...) được thực hiện trên các phần mềm quản lý;

d) 100% báo cáo thống kê liên ngành, thống kê nghiệp vụ kiểm sát được thực hiện dưới dạng điện tử, được số hóa, áp dụng chữ ký số, thực hiện tự động trên nền tảng ứng dụng;

đ) Phát triển, trang bị trợ lý ảo, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ cho hoạt động của Kiểm sát viên trong tra cứu văn bản pháp luật, hướng dẫn nghiệp vụ, tham khảo nghiệp vụ đối với các loại vụ việc, vụ án tương tự;

e) 100% giám định về âm thanh, hình ảnh khi có nhu cầu được thực hiện tại phòng Giám định kỹ thuật hình sự thuộc VKSND tối cao; đáp ứng 100% các cuộc hỏi cung bị can yêu cầu có hệ thống ghi âm, ghi hình có âm thanh;

g) 100% các loại văn bản, giấy tờ có thể tổng đạt, cung cấp cho người nhận (đương sự, bị can, bị cáo, bị án, luật sư...) bằng hình thức điện tử khi họ có nhu cầu và phải đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Bảo đảm điều kiện kỹ thuật để tiếp nhận các loại đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của người dân, đương sự và trả lời theo hình thức trực tuyến;

h) Sẵn sàng kết nối để thực hiện các hoạt động phối hợp liên ngành trong việc trao đổi thông tin; tổ chức phiên tòa trực tuyến, hỏi cung, lấy lời khai trực tuyến khi có yêu cầu và kết nối, chia sẻ dữ liệu để thực hiện nhiệm vụ được quy định trong Đề án 06 của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư.

### **2.3. Các chỉ tiêu khác**

a) Phân đấu đến năm 2025 cơ bản hình thành kho dữ liệu điện tử dùng chung trong toàn Ngành; từng bước ứng dụng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động;

b) Các đơn vị trong Ngành sử dụng ứng dụng về quản lý khoa học, hợp tác quốc tế, thi đua, khen thưởng...;

c) Có khả năng sử dụng trí tuệ nhân tạo, phần mềm ứng dụng để phân tích, so sánh, đánh giá, dự báo tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật để có kế hoạch đấu tranh, phòng chống hiệu quả và phục vụ báo cáo Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, kiến nghị phòng ngừa;

d) Hoạt động của Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, Trường Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ Kiểm sát tại Thành phố Hồ Chí Minh; Báo Bảo vệ pháp luật; Tạp chí Kiểm sát được phát triển trên môi trường số, các dịch vụ được thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4;

đ) Cung cấp đầy đủ thông tin (trừ thông tin thuộc chế độ mật) trên Công thông tin điện tử, kịp thời tiếp nhận trao đổi, giải đáp thắc mắc, kiến nghị của tổ chức, cá nhân.

e) Cấp độ an toàn hệ thống thông tin phục vụ hoạt động nội bộ đạt cấp độ 4.

Về mức độ hoàn thành chỉ tiêu đề xuất: Đến năm 2025 phấn đấu đạt tối thiểu 60% chỉ tiêu. Đến năm 2030 hoàn thành 100% chỉ tiêu.

### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

#### **1. Nâng cao, thay đổi nhận thức về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số**

##### **a) Nhiệm vụ**

Chuyển đổi số là chuyển đổi phương thức làm việc nên phải thay đổi nhận thức của toàn thể công chức, viên chức, người lao động, nhất là người đứng đầu các đơn vị và Viện trưởng Viện kiểm sát các cấp về vai trò, yêu cầu, nội dung của việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành Kiểm sát nhân dân.

##### **b) Giải pháp**

Xác định rõ nhiệm vụ và trách nhiệm thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của toàn Ngành ở tất cả các cấp từ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý đến tất cả công chức, viên chức, người lao động và phải chủ động tham gia thực hiện.

Người đứng đầu các đơn vị phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo về công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại đơn vị mình; kết quả thực hiện là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại thi đua, khen thưởng của mỗi đơn vị, cá nhân. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số với chỉ thị, kế hoạch, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin của Viện kiểm sát các cấp. Thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số thuộc Ngành.

Tăng cường kỷ luật công vụ đối với công chức, viên chức trong Ngành, khắc phục tình trạng ngại cập nhật dữ liệu, cập nhật không đầy đủ, cập nhật không chính xác, không kịp thời. Nâng cao trách nhiệm, chất lượng tham gia của các đơn vị, cá nhân trong Ngành vào quá trình đề ra các yêu cầu, thử nghiệm, đánh giá khi xây dựng các phần mềm ứng dụng và trong việc tham gia các lớp đào tạo hướng dẫn sử dụng phần mềm.

#### **2. Hoàn thiện môi trường pháp lý**

##### **a) Nhiệm vụ**

Xây dựng các văn bản pháp lý đầy đủ, toàn diện, phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu quản lý của Viện kiểm sát nhân dân các cấp để phát triển công nghệ thông tin gắn với chuyển đổi số của Ngành. Có quy định chế tài trách nhiệm và đánh giá thành tích hàng năm trong lĩnh vực này.

##### **b) Giải pháp**

Xây dựng Kiến trúc Viện kiểm sát điện tử phiên bản 2.0 và các văn bản hướng dẫn tuân thủ Kiến trúc trong thực hiện đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm liên thông, tránh đầu tư trùng lặp. Rà soát, bổ sung để hoàn thiện các quy định của Ngành về công nghệ thông tin, bảo đảm kịp thời cập nhật các quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin. Thường xuyên cập nhật, bổ sung bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số từng đơn vị trên cơ sở kế thừa, phát triển từ bộ chỉ số ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành Kiểm sát nhân dân.

Xây dựng, ban hành quy chế quản lý, vận hành, duy trì hạ tầng số, nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của ngành Kiểm sát, bảo đảm tính đồng bộ, an toàn thông tin và khả năng chia sẻ kỹ thuật, dữ liệu. Xây dựng, ban hành quy trình thử nghiệm dịch vụ, sản phẩm công nghệ không có sẵn trên thị trường áp dụng vào ngành Kiểm sát.

Xây dựng chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ theo hướng chuyển đổi số. Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành của Viện kiểm sát nhân dân tối cao để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số; Xây dựng thể chế, tạo cơ chế phối hợp kết nối, chia sẻ thông tin với cơ quan tư pháp liên quan.

Xây dựng, ban hành quy định về tiếp nhận, số hóa, lưu trữ, xử lý hồ sơ, văn bản điện tử đúng pháp luật hiện hành về văn thư, lưu trữ và chữ ký số, hệ thống danh mục điện tử dùng chung của ngành Kiểm sát nhân dân.

Xây dựng cơ chế nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin như: kiểm tra, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, bắt buộc phải cập nhật dữ liệu vào phần mềm, chỉ gửi văn bản điện tử không gửi văn bản giấy (đối với văn bản không thuộc độ mật), cung cấp hồ sơ điện tử không cung cấp hồ sơ giấy, qui định bắt buộc sử dụng chữ ký số trong các văn bản. Xây dựng, ban hành cơ chế khuyến khích thuê dịch vụ công nghệ thông tin và an toàn thông tin trong ngành Kiểm sát nhân dân, ưu tiên thuê tập trung theo phương thức thỏa thuận khung.

Nghiên cứu cơ chế chính sách và cung cấp một số dịch vụ số phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp như: theo dõi kết quả giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo về tư pháp, tố giác tin báo về tội phạm; thống kê tội phạm, dự báo xu hướng tội phạm, cảnh báo trước người dân về các hoạt động tội phạm tại địa phương; dịch vụ giám định thuộc thẩm quyền của Phòng giám định kỹ thuật hình sự của VKSND tối cao... Nghiên cứu, đánh giá nhu cầu, khả năng cung cấp dữ liệu mở của ngành Kiểm sát nhân dân phục vụ các cơ quan hành chính Nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp.

### 3. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin

#### a) Nhiệm vụ

Nâng cấp, xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, vận hành thông suốt, an toàn, bảo mật, đáp ứng yêu cầu lưu trữ, xử lý dữ liệu với khả năng sẵn sàng và mức độ ổn định cao cho việc sử dụng tất cả các phần mềm, ứng dụng cần thiết trong ngành Kiểm sát nhân dân.

#### b) Giải pháp

Có kế hoạch, lộ trình đầu tư cụ thể hàng năm. Yêu cầu có trọng tâm, không trùng lặp, cập nhật công nghệ mới, có tính mở đi đôi với nâng cấp, tận dụng hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị sẵn có; bảo đảm an toàn, hiệu quả và phù hợp với nguồn vốn, lộ trình triển khai thực hiện các đề án, dự án về công nghệ thông tin.

Tập trung đầu tư mở rộng, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin đảm bảo tính kế thừa, liên thông, đồng bộ, theo mô hình kết hợp giữa tập trung và phân tán; có thứ tự ưu tiên phù hợp với nguồn kinh phí đầu tư và năng lực triển khai thực hiện để đạt hiệu quả cao. Từng bước tái cấu trúc, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số.

Chuyển đổi toàn bộ mạng lưới, hệ thống thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6). Ứng dụng đường truyền mạng, truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng và Chính phủ kết hợp tăng cường tính năng bảo mật, ứng dụng ưu tiên giải pháp bảo mật của Ban Cơ yếu Chính phủ. Ưu tiên truy nhập mạng nội bộ vào các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Ngành giảm bớt phụ thuộc vào Internet.

Triển khai sử dụng hoặc dịch chuyển lên nền tảng điện toán đám mây, trong đó đặc biệt chú trọng tới việc bảo đảm trung tâm dữ liệu và nền tảng, dịch vụ điện toán đám mây tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp.

Nâng cấp các phòng họp trực tuyến của các đơn vị trên cơ sở quy mô về số lượng, diện tích theo đúng quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông<sup>1</sup>. Bổ sung các dịch vụ họp trực tuyến khác cho 100% công chức phục vụ các cuộc họp có nội dung không mật hoặc làm việc từ xa.

*- Tại VKSND tối cao*

Duy trì, vận hành, nâng cấp và phát triển hệ thống hạ tầng Trung tâm dữ liệu của ngành Kiểm sát nhân dân ưu tiên theo hướng thuê hạ tầng công nghệ

<sup>1</sup> Công văn số 2558/BTTTT-CBĐTĐTW ngày 02/8/2019 Về việc công bố tài liệu hướng dẫn việc xây dựng, triển khai hạ tầng mạng và hệ thống thiết bị; tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối các hệ thống HNTH; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ các cuộc họp trực tuyến.

thông tin.

Nâng cấp Trung tâm dữ liệu (DC) hiện đại, thiết kế theo kiến trúc mở, hình thức module để dễ dàng cho việc mở rộng, thay đổi nhằm phục vụ các hệ thống thông tin tin cậy, ổn định dựa trên công nghệ điện toán đám mây, ảo hóa tối đa hạ tầng để tiết kiệm tài nguyên, dễ dàng quản lý và thực hiện kết nối với Chính phủ, các cơ quan liên quan theo mô hình do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn. Trung tâm dữ liệu đạt chuẩn Tier III<sup>2</sup> hoặc Rated 3- TIA942 tại Việt Nam, đảm bảo tiêu chuẩn vận hành, quản lý chất lượng ISO 9001:2008, tiêu chuẩn bảo mật thông tin ISO 27001:2013 và tiêu chuẩn quản trị năng lượng: ISO 50001:2011 với một số tiêu chí cơ bản như sau:

Có hệ thống theo dõi và kiểm soát hệ thống mạng, điện, điều hòa, phòng cháy và an ninh, về nhiệt độ, độ ẩm trên từng vị trí thường xuyên và liên tục của Trung tâm dữ liệu.

Có mạng lưới giám sát mạnh mẽ, đảm bảo sự sẵn sàng của hệ thống mạng, thường xuyên đo lưu lượng truy cập và sử dụng. Ngoài ra, còn phát hiện sự thay đổi trạng thái kết nối, đưa ra các cảnh báo khi đạt ngưỡng định trước, hỗ trợ cho giám sát mạng, phát hiện các sự cố kịp thời. Giám sát ổn định trạng thái hoạt động của các thiết bị mạng, Server, thông số trạng thái mỗi đường truyền.

Mạng đường trục (Backbone network), mạng lõi (Core network): Có khả năng mở rộng linh hoạt, dễ dàng tùy theo sự mở rộng của hạ tầng máy chủ và ứng dụng; có khả năng hỗ trợ mọi yêu cầu triển khai cân bằng tải của các ứng dụng lớp trên; tốc độ tối thiểu 10G, thiết bị mạng có tốc độ tối thiểu 1Gbps, máy tính truy cập mạng có tốc độ tối thiểu 1Gbps.

Tiếp tục triển khai và duy trì Hệ thống giám sát an toàn thông tin cho Trung tâm dữ liệu ngành Kiểm sát nhân dân. Xây dựng Trung tâm dự phòng (DR) hoặc thuê dự phòng với những công nghệ tiên tiến, đảm bảo hoạt động cho các máy chủ, cung cấp đủ tài nguyên cho ứng dụng, bảo mật theo đúng tiêu chuẩn nhà nước quy định.

Trang bị đủ hệ thống ghi âm, ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can cho các đơn vị VKSND tối cao (Vụ 1, Vụ 2, Vụ 3, Vụ 4, Vụ 5, Vụ 6, Vụ 7, Cục 1), các VKSND cấp cao, VKSND cấp tỉnh, VKSND cấp huyện.

Đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin cho Phòng Giám định kỹ thuật hình sự thuộc VKSND tối cao thực hiện giám định một số dữ liệu về âm thanh, hình ảnh điện tử theo quy định của pháp luật.

<sup>2</sup> Tiêu chuẩn Tier 3 là những tiêu chuẩn được đưa ra nhằm đánh giá năng lực hạ tầng của Data Center. Để máy chủ có thể đảm bảo hoạt động liên tục thì hạ tầng của trung tâm dữ liệu cần có khả năng dự phòng ít nhất N+1 đồng thời được vận hành, bảo trì, bảo dưỡng theo định kỳ đúng tiêu chuẩn đặt ra



Thiết lập Phòng Giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC, NOC) tại Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin thuộc VKSND tối cao cho các hệ thống thông tin của Ngành và kết nối với hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia.

*- Cơ quan Điều tra VKSND tối cao*

Trang bị các thiết bị công nghệ thông tin hiện đại phục vụ nghiệp vụ điều tra của Cơ quan điều tra VKSND tối cao, hiện đại hóa trung tâm chỉ huy điều tra.

*- Tại VKSND cấp cao, VKSND cấp tỉnh, tại Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội và Trường Đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ Kiểm sát tại TP. Hồ Chí Minh*

Trang bị phòng máy chủ tối thiểu có thiết bị làm mát (điều hòa, quạt gió), thiết bị báo cháy, báo khói, thiết bị bảo mật theo đúng quy định của Nhà nước.

Trang bị mạng đường trục, mạng lõi tốc độ tối thiểu 1Gbps, thiết bị mạng có tốc độ tối thiểu 1Gbps, máy tính truy cập mạng có tốc độ tối thiểu 1Gbps.

*- Tại VKSND cấp huyện*

Trang bị mạng đường trục, mạng lõi tốc độ tối thiểu 1Gbps, thiết bị mạng có tốc độ tối thiểu 1Gbps, máy tính truy cập mạng có tốc độ tối thiểu 100Mbps.

#### **4. Xây dựng, hoàn thiện kho dữ liệu, các ứng dụng hướng tới phát triển nền tảng số**

##### a) Nhiệm vụ

Xây dựng kho dữ liệu số, dùng chung trong toàn ngành Kiểm sát, hướng tới dữ liệu lớn ((Big data). Hệ thống thông tin quản trị thông minh, báo cáo động (BI- Business Intelligence) để phục vụ việc khai thác dữ liệu tổng hợp từ các nguồn dữ liệu, các cơ sở dữ liệu khác nhau nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin đa dạng của người sử dụng. Kho dữ liệu phải được xây dựng có khả năng dự phòng để khi có sự cố thì không bị mất dữ liệu.

Hoàn thiện, phát triển các ứng dụng, dịch vụ, hướng tới phát triển nền tảng số. Từng bước hoàn thiện mô hình quản lý dữ liệu tập trung, chia sẻ liên thông trong nội bộ Ngành và cơ sở dữ liệu quốc gia, bảo đảm bảo mật theo quy định của pháp luật.

##### b) Giải pháp

Làm sạch, chuẩn hóa và số hóa hồ sơ lưu trữ, hồ sơ đang tác nghiệp để từng bước hình thành kho dữ liệu lớn theo từng khối công việc có thể khai thác dùng chung khi có yêu cầu. Tạo lập kho dữ liệu đồng bộ, khoa học, được hệ thống hóa, số hóa, quản lý tập trung, có khả năng chia sẻ, cung cấp kịp thời thông tin, dữ liệu theo nguyên tắc phân cấp, phân quyền, bảo đảm an toàn, bảo

mật thông tin, phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo điều hành và các hoạt động nghiệp vụ của ngành Kiểm sát nhân dân.

Đổi mới quy trình nghiệp vụ theo hướng chuyển đổi số, trọng tâm là chế độ lập hồ sơ thụ lý kiểm sát, giải quyết vụ án, vụ việc, hồ sơ công việc, chế độ thống kê, báo cáo, lưu trữ hồ sơ theo hướng số hóa. Thực hiện nghiêm chế độ công vụ trong việc cập nhật thông tin, dữ liệu; quản lý, phân tích, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu theo phân cấp, phân quyền, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin.

Duy trì, phát triển, mở rộng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Viện Kiểm sát nhân dân (LGSP) để chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan đơn vị thuộc phạm vi ngành Kiểm sát và đóng vai trò trung gian phục vụ kết nối các hệ thống thông tin trong nội bộ của Ngành với VKS địa phương và các hệ thống bên ngoài theo Kiến trúc VKS điện tử, sẵn sàng kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

Thực hiện hệ thống hóa mã định danh, quản lý danh mục điện tử dùng chung.

Trước mắt, tập trung phát triển theo hướng xây dựng nền tảng ứng dụng, đồng bộ, tích hợp, dùng chung trong toàn ngành thay vì phần mềm ứng dụng đơn lẻ, gồm:

- Nền tảng hình sự: Phần mềm Quản lý án hình sự; Phần mềm quản lý sổ thụ lý điện tử hình sự; phần mềm Thống kê; phần mềm Quản lý khiếu nại, tố cáo; phần mềm Quản lý đơn, án giám đốc thẩm, tái thẩm; phần mềm về tương trợ tư pháp.

- Nền tảng dân sự: Phần mềm Quản lý vụ việc dân sự, hôn nhân - gia đình, hành chính, kinh doanh - thương mại, lao động, phá sản doanh nghiệp (gọi tắt là Phần mềm dân sự); phần mềm Quản lý sổ thụ lý điện tử dân sự, hôn nhân - gia đình, hành chính, kinh doanh - thương mại, lao động, phá sản doanh nghiệp (gọi tắt là Phần mềm Quản lý sổ thụ lý điện tử dân sự); phần mềm Thống kê; phần mềm Quản lý khiếu nại, tố cáo; phần mềm Quản lý đơn, án giám đốc thẩm, tái thẩm.

- Nền tảng quản lý, phục vụ: Phần mềm Quản lý nhân sự; Quản lý công tác thanh tra; Quản lý công tác thi đua khen thưởng; phần mềm Kế toán - Tài chính, Phần mềm quản lý tài sản công, đầu tư công; Tích hợp với mã định danh quốc gia.

- Nền tảng Văn phòng và sự nghiệp: Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành, phần mềm Lưu trữ, Thư điện tử, Hệ thống văn bản pháp luật; Cổng thông tin điện tử, toà soạn điện tử, Quản lý giảng dạy, học tập, học liệu số,....

Nâng cao chất lượng các nền tảng thông qua việc ban hành yêu cầu, chuẩn hoá qui trình nghiệp vụ để thực hiện trong Ngành và đơn vị xây dựng nền tảng tuân theo trước khi xây dựng, nâng cấp. Khi xây dựng mới hoặc nâng cấp các ứng dụng công nghệ thông tin phải coi chức năng liên thông dữ liệu, an toàn thông tin là yêu cầu bắt buộc. Khuyến khích các ứng dụng công nghệ thông tin chạy trên nhiều nền tảng với nhiều dịch vụ khác nhau: Webbase, Native Mobile App, Hybrid Mobile App. Thực hiện theo định hướng dịch vụ SOA (Service Oriented Architecture).

Tăng cường kiểm thử, chạy thử nghiệm sản phẩm: Giả lập với dữ liệu lớn, số lượng kết nối cao, nghiệp vụ phức tạp nhất. Các đơn vị thụ hưởng cần có kịch bản cho các dữ liệu thử nghiệm và khai thác thông tin. Khuyến khích chạy kiểm thử tại các nơi có đủ điều kiện thực hiện. Bố trí kinh phí duy trì và bảo trì sản phẩm.

## **5. Bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin**

### **a) Nhiệm vụ**

Bảo đảm tuyệt đối an toàn về hạ tầng thông tin, dữ liệu; không để xảy ra việc mất dữ liệu, bị đánh cắp hoặc bị lộ lọt thông tin trong quá trình vận hành, sử dụng. Hệ thống thông tin phục vụ hoạt động nội bộ đạt cấp độ 4 về an toàn an ninh thông tin.

### **a) Giải pháp**

Triển khai các nội dung nhằm bảo đảm an toàn thông tin cho hoạt động của Viện kiểm sát các cấp, trong đó tập trung các nội dung như:

Yêu cầu xây dựng, ban hành qui chế, thường xuyên rà soát và kiểm tra việc thực hiện quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Tổ chức triển khai đầy đủ các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là phần mềm nội bộ do đơn vị chuyên nghiệp phát triển, tuân thủ theo quy trình Khung phát triển phần mềm an toàn; hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định; hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam.

Hoàn thành triển khai, nâng cấp và duy trì Phòng Giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC, NOC); thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn

thông tin theo quy định của pháp luật; Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

Ban hành chỉ thị về nhiệm vụ bảo mật thông tin và tổ chức đào tạo tập huấn trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho công chức, viên chức, người lao động trong toàn Ngành.

## **6. Phát triển nguồn nhân lực**

### **a) Nhiệm vụ**

Bảo đảm chất lượng đội ngũ công chức, viên chức trực tiếp làm công tác công nghệ, thông tin đủ khả năng tham mưu, quản lý, hướng dẫn chuyên môn trong toàn Ngành. Công chức, viên chức trong toàn Ngành có đủ kiến thức, kỹ năng sử dụng thành thạo các thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin được trang bị.

### **a) Giải pháp**

Công chức chuyên trách về công nghệ thông tin tham gia đào tạo chuyên sâu về công nghệ số, chuyển đổi số.

Đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng khai thác ứng dụng công nghệ thông tin cho lãnh đạo đơn vị thuộc VKSND tối cao, công chức, viên chức, người lao động ngành Kiểm sát nhân dân đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

Bồi dưỡng, tập huấn cho công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, trong đó đặc biệt chú trọng bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu để ra quyết định, hoạch định chính sách và bảo đảm an toàn thông tin mạng.

Cục 2 phối hợp với Vụ 15, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, Trường Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ Kiểm sát tại Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng nội dung, kế hoạch, đưa các chương trình đào tạo, bồi dưỡng công nghệ thông tin cho đội ngũ công chức, viên chức của Ngành

Định kỳ tổ chức các cuộc thi, kiểm tra về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo đúng chuẩn của Bộ Thông tin và Truyền thông qui định. Khi tuyển dụng công chức là chuyên viên, kiểm tra viên, kiểm sát viên yêu cầu bắt buộc phải đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. Có chế độ, chính sách để khuyến khích, tạo điều kiện làm việc thuận lợi cho đội ngũ công chức làm công tác công nghệ thông tin của Ngành.

## **7. Một số giải pháp khác**

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp nêu trên cần đồng thời thực hiện một số giải pháp khác sau đây:

- Tăng cường kinh phí đầu tư về công nghệ thông tin, có trọng tâm, lựa chọn nội dung, yêu cầu cấp thiết để tập trung đầu tư. Đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước, tỷ lệ giải ngân thực hiện các dự án, đề án, nhiệm vụ trọng tâm ứng dụng CNTT cao, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp. Phối hợp, huy động tối đa các nguồn lực, tranh thủ sự hỗ trợ của các bộ, ngành, địa phương, trong quá trình phát triển công nghệ thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành Kiểm sát nhân dân.

- Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các đơn vị trong Ngành trong quá trình đầu tư hạ tầng kỹ thuật, phát triển phần mềm, thử nghiệm, vận hành, hoàn thiện các ứng dụng, trong nghiên cứu, chuyển giao, thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về công nghệ thông tin.

- Phối hợp chặt chẽ, toàn diện với Bộ Thông tin và Truyền thông; phối hợp đối tác với các đơn vị, doanh nghiệp có tiềm lực mạnh về phát triển, chuyển giao ứng dụng công nghệ thông tin; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Chính phủ trong hỗ trợ, đảm bảo các điều kiện, nguồn lực, kinh phí; phối hợp với Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Ban cơ yếu Chính phủ, Tổng cục Thống kê, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước,... trong thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, trong nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin. Đẩy mạnh hợp tác, tranh thủ sự giúp đỡ của Viện kiểm sát, Viện công tố các nước có trình độ phát triển cao, ứng dụng công nghệ thông tin có hiệu quả để học tập kinh nghiệm.

- Đổi mới hoạt động của Cục 2 để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ tham mưu cho Lãnh đạo VKSND tối cao trong quản lý chỉ đạo về đầu tư phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số của Ngành. Tăng cường vai trò quản lý nhà nước về công nghệ thông tin trong ngành Kiểm sát; nâng cao năng lực bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng, thiết lập phòng giám sát hỗ trợ kỹ thuật trực tuyến tại Cục 2; nâng cao năng lực thẩm định các đề án, dự án về công nghệ thông tin của Ngành.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin**

Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch, hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện với Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao; tham mưu kế hoạch thực hiện hằng năm theo lộ trình hợp lý, khả thi.

Tham mưu đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, ban hành các quy chế, quy định, văn bản hướng dẫn của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về

ứng dụng công nghệ thông tin trong Ngành và hướng dẫn thực hiện Quy hoạch này. Chủ trì xây dựng kiến trúc Viện kiểm sát điện tử 2.0; xây dựng quy chế quản lý, vận hành hạ tầng công nghệ thông tin, các quy trình thử nghiệm dịch vụ sản phẩm công nghệ; cập nhật bổ sung bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số; phối hợp với Văn phòng VKSND tối cao và Cục 3 đề xuất thuê dịch vụ công nghệ thông tin;

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, đề xuất xây dựng Trục tích hợp (LGSP) để tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong nội bộ và kết nối ra bên ngoài. Bản đề xuất phải nêu rõ những phần việc Bộ Thông tin và Truyền thông có thể hỗ trợ và những phần việc VKSND tối cao chuẩn bị hoặc thuê ngoài, lộ trình và khái toán kinh phí thực hiện, những khó khăn, vướng mắc cần tháo gỡ.

Chủ trì, phối hợp với Văn phòng VKSND tối cao đề xuất cụ thể việc tích hợp các nền tảng ứng dụng theo nhóm có dữ liệu liên quan (dữ liệu dùng chung), bổ sung, phát triển mới phần mềm (nếu thấy cần thiết) để triển khai thực hiện từ năm 2023; nghiên cứu đề xuất phương án xây dựng, phát triển Hệ thống danh mục điện tử dùng chung trong toàn Ngành.

Phối hợp với Vụ 15 rà soát về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ công chức làm công tác công nghệ thông tin trong toàn Ngành để có hình thức đào tạo, bồi dưỡng phù hợp.

Cập nhật, bổ sung bộ chỉ số xếp hạng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số đối với các đơn vị trong ngành Kiểm sát nhân dân phù hợp với các tiêu chí chung của quốc gia và phù hợp với đặc thù của Ngành. Hằng năm, thực hiện đánh giá các chỉ số, xếp hạng đối với các đơn vị trong toàn ngành.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát các cấp:

Thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu, chịu trách nhiệm trước Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại đơn vị, địa phương mình.

Tăng cường phối hợp với đơn vị chuyên trách trong nghiên cứu, tham mưu đề xuất, xây dựng, triển khai các dự án đầu tư, vận hành, sử dụng hệ thống, các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện các giải pháp chuyển đổi số.

Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy chế về quản lý, chỉ đạo điều hành, quy trình nghiệp vụ cho phù hợp với định hướng phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số và các nhiệm vụ, nội dung có liên quan nêu trong Quy hoạch này. Xây dựng chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ theo hướng chuyển đổi số.

Chỉ đạo công chức, viên chức thực hiện nghiêm kỷ luật trong khai thác sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, nhất là việc cập nhật thông tin, sử dụng các ứng dụng trong thực hiện nhiệm vụ.

### 3. Văn phòng VKSND tối cao

Thực hiện trách nhiệm chủ đầu tư các dự án công nghệ thông tin; chủ trì, phối hợp với Vụ 14 và các đơn vị đề rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy chế, quy định về quản lý, chỉ đạo, điều hành; chế độ thông tin báo cáo. Chủ trì xây dựng quy định về tiếp nhận, số hóa, lưu trữ, xử lý hồ sơ văn bản điện tử; xây dựng cơ chế nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; nghiên cứu cơ chế chính sách và cung cấp một số dịch vụ số phục vụ người dân, tổ chức doanh nghiệp.

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc VKSND tối cao, Viện trưởng VKSND các cấp xây dựng hệ thống các yêu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành và quản lý nghiệp vụ Viện kiểm sát các cấp làm cơ sở cho việc xây dựng, hoàn thiện các phần mềm hiện nay, xây dựng mới, tích hợp các nền tảng ứng dụng đáp ứng với các yêu cầu đặt ra.

### 4. Cục Kế hoạch - Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Cục 2, Văn phòng VKSND tối cao đề xuất, dự toán nguồn kinh phí và tham mưu đề xuất về huy động, tạo nguồn, phân bổ kinh phí đầu tư phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý sử dụng nguồn kinh phí và việc thực hiện các dự án đầu tư. Trong đó cần quan tâm nghiên cứu, đề xuất việc thuê hạ tầng, dịch vụ công nghệ thông tin khi kinh phí mua sắm không đáp ứng yêu cầu.

### 5. Vụ Tổ chức cán bộ

Chủ trì, phối hợp với Cục 2 rà soát, xác định biên chế cần thiết, tham mưu đề xuất cơ chế thu hút nguồn nhân lực, tuyển dụng, bố trí cán bộ làm công tác công nghệ thông tin cho Cục 2 và các đơn vị đảm bảo chất lượng, làm nòng cốt thực hiện chuyển đổi số trong toàn Ngành; xây dựng kế hoạch, nội dung cụ thể để tổ chức thường xuyên việc đào tạo, bồi dưỡng về công nghệ thông tin và quản lý, thực hiện các dự án công nghệ thông tin. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có nhận thức, kiến thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và hoạt động nghiệp vụ, sẵn sàng chuyển đổi phương thức làm việc sang môi trường số.

6. Tạp chí Kiểm sát, Báo Bảo vệ pháp luật, Cổng thông tin điện tử của VKSND tối cao và các trang thông tin điện tử của các đơn vị trong Ngành tăng cường thông tin, tuyên truyền về vai trò, tầm quan trọng, tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, kết quả thực hiện Quy hoạch này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát các cấp chịu trách nhiệm thi hành Quy hoạch này./.

***Nơi nhận:***

- Viện trưởng VKSND tối cao;
- Các Phó Viện trưởng VKSND tối cao;
- Bộ Thông tin và Truyền thông (để phối hợp)
- Như Điều 2 (để thực hiện);
- Lưu: VT, Cục 2.

**VIỆN TRƯỞNG**

***(Đã ký)***

**Lê Minh Trí**